TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 15/2019/HC-GĐT
Ngày 15 tháng 7 năm 2019
V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du - Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Đặng Xuân Đào;

- Bà Đào Thị Xuân Lan.

- Ông Nguyễn Văn Tiến;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Phương Hữu Oanh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về "Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai", giữa:

*1. Người khởi kiện:*Bà Thị D, sinh năm 1946; cư trú tại: Tổ 8, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh K.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1965 - Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoài P1, sinh năm 1958 - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Danh D1, sinh năm 1941; cư trú tại: Số 52, Tổ 8, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh K.

3.2. Ông Danh Đ, sinh năm 1941; cư trú tại: Tổ 8, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2014 và trong quá trình tố tụng người khởi kiện là bà Thị D trình bày:

Phần đất 3.013,8m^2 tại Tổ 8, ấp B, xã T mà ông Danh D1 đang sử dụng có nguồn gốc là một phần thuộc 13 hecta của cố Danh U (ông ngoại của Bà) khai phá trước đây và được Chính quyền chế độ cũ cấp "Trích lục địa bộ" ngày 02/01/1974.

Cố U chết có chia đất lại cho mẹ của bà là cụ Thị K1 09 hecta và bác của bà là cụ Danh D2 04 hecta.

Năm 1987 mẹ của bà chết, bà thừa kế 9 hecta để thờ cúng.

Bà tiếp tục canh tác đến năm 1988 (có khi bà không khai là canh tác mà khai đây là đất cỏ năng cho trâu ăn) thì ông Danh D1 khi đó là Trưởng ấp nên vào giúp gia đình bà đo đạc để phân chia đất cho bà và các chị gái con của bác của bà là bà Đ1, bà Đ2. Khi đo đạc xong, ông Danh D1 lợi dụng chức vụ, thấy phần đất của bà có mặt tiền thuận lợi nên mướn người đổ đất trang trải mặt bằng làm sân phơi lúa. Bà làm đơn thưa kiện tới Ban quản lý ấp B nhưng Ban quản lý ấp B không đồng ý yêu cầu của bà (có khi bà D khai là bà gửi đơn tới Ủy ban nhân dân (UBND) xã H1 nay là xã T) cho nên bà khiếu nại tới UBND xã H1 nhưng do ông Danh D1 lợi dụng chức vụ vì vậy đơn của bà bị mất. Sau đó, ông Danh D1 làm nhà, làm mương nước.

Vụ việc tranh chấp kéo dài nhưng không được giải quyết. Đến năm 2013, bà được sự hướng dẫn của Ban Dân tộc tỉnh K cho nên ngày 08/7/2013 gửi đơn tranh chấp tới UBND huyện H.

Ngày 26/12/2013, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 7169/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn tranh chấp của bà Thị D. Tại Quyết định Chủ tịch UBND huyện H kết luận: *"Diện tích 3.013,8 m^2 (đã trừ lưu không kênh vòng núi H2) tại ấp B, xã T, huyện H đang tranh chấp giữa bà Thị D với ông Danh D1 có nguồn gốc trước năm 1986, toàn bộ diện tích đất trên là lung đìa không ai quản lý, chủ yếu là đường cho trâu lội qua. Năm 1986, ông Ngô Oanh N (người dân địa phương) vào phần đất này khai mở diện tích 492,8 m^2 (đo đạc thực tế) để trồng tràm được khoảng 500 cây, do trâu đi qua nhiều nên tràm bị chết, từ đó đất bỏ trống, không ai sử dụng. Năm 1987, ông Danh D1 vào sử dụng đất này (được ông N đồng ý), vì đất nằm trong hậu không giáp kênh nên ông Danh D1 có khai mở thêm phần đất giáp kênh vòng núi H2 để sử dụng; sau đó ông Danh D1 tiến hành san ủi đất làm sân phơi lúa, do khu vực đất này là lung thường xuyên bị ngập nước nên trong quá trình sử dụng, ông Danh D1 có mướn người chở đất để bồi đắp thêm. Năm 1988, bà Thị D làm đơn tranh chấp toàn bộ diện tích đất trên với ông Danh D1 gửi xã H1 (nay là xã T). Việc tranh chấp đất được UBND xã H1 hòa giải với nội dung không thừa nhận đơn tranh chấp của bà Thị D (hiện hồ sơ bị thất lạc). Sau hòa giải, bà Thị D không làm đơn tranh chấp gửi cơ quan cấp trên, diện tích đất này ông Danh D1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1995, ông Danh D1 mướn máy vào cuốc đất bồi đắp sân phơi lúa và phần bờ kênh, cùng năm này ông Danh D1 cất nhà tại bờ kênh vòng núi Hòn Sóc để ở đồng thời làm kho chứa lúa. Việc sử dụng đất của ông Danh D1 ổn định. Đầu năm 2013, ông Danh D1 tiếp tục mướn máy làm đường nước có chiều ngang 8m, dài 30m (giáp đất bà Thị X), bà Thị D ngăn cản từ đó xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp đất được Ban nhân dân ấp B và UBND xã T hòa giải nhưng không thành, bà Thị D tiếp tục làm đơn tranh chấp gửi về UBND huyện để yêu cầu giải quyết. Qua đo đạc thực tế, các tài liệu có liên quan. Kết quả thẩm tra xác định diện tích 3.013,8 m^2đang tranh chấp là do ông Danh D1 quản lý sử dụng làm sân phơi lúa từ năm 1987. Năm 2013, ông Danh D1 tiến hành múc đất đổ vào sân phơi lúa và làm đường nước thì xảy ra tranh chấp. Việc sử dụng đất của ông Danh D1 liên tục từ năm 1987 đến nay là phù hợp Điều 12; khoản 3, khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Do đó đơn tranh chấp của bà Thị D là không có cơ sở để xem xét giải quyết"*. Từ đó quyết định không thừa nhận đơn tranh chấp của bà Thị D. Giữ ổn định diện tích 3.013,8m^2, tại ấp B, xã T cho ông Danh D1 quản lý, sử dụng.

Bà Thị D cho rằng tại Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND huyện H đã kết luận ông Danh D1 vào sử dụng đất này năm 1987 là không đúng vì thực tế ông Danh D1 sử dụng năm 1988. Hơn nữa Chủ tịch UBND huyện H còn cho

rằng bà không có đơn tranh chấp từ năm 1988 là không đúng vì từ năm 1988 bà liên tục có đơn yêu cầu và khiếu nại đòi ông Danh D1 trả đất nhưng không được giải quyết chứ không phải bà không khiếu kiện. Vì vậy, bà đã khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh K.

Tại Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 25/4/2014, Chủ tịch UBND tỉnh K cũng kết luận 3.013,8m^2 đất tranh chấp có nguồn gốc trước năm 1986 là thuộc diện tích đất hoang, lung trũng, các hộ sinh sống xung quanh dùng chăn thả trâu. Năm 1986, gia đình ông Danh D1 vào đắp làm sân phơi lúa, trồng tràm và chăn thả trâu cũng như sử dụng ổn định để bác yêu cầu của bà và giữ nguyên quyết định của Chủ tịch UBND huyện H.

Không đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh K, bà yêu cầu hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh K và Quyết định số 7169/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện H.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh K trình bày:

Diện tích 3.013,8m^2 đất tranh chấp có nguồn gốc trước năm 1986 là thuộc diện tích đất hoang, lung trũng, các hộ sinh sống xung quanh dùng chăn thả trâu. Năm 1986, gia đình ông Danh D1 vào đắp đất làm sân phơi lúa, trồng tràm và chăn thả trâu cũng như đến năm 1995 làm nhà, năm 2013 làm mương nước đều sử dụng ổn định. Quá trình giải quyết tranh chấp bà Thị D có cung cấp Trích lục địa bộ năm 1974 của chế độ cũ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh diện tích, vị trí đất tranh chấp thuộc diện tích đất mà chế độ cũ cấp cho cố U. Bà Thị D thực tế cũng không sử dụng đất và tại Biên bản làm việc ngày 11/3/2014 bà Thị D thừa nhận đất trước bỏ hoang, năm 1986 ông Danh D1 sử dụng cho nên đề nghị bác yêu cầu của bà Thị D.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện H trình bày:

Diện tích 3.013,8m^2 (trừ đất lưu không kênh vòng núi H2) tranh chấp có nguồn gốc trước năm 1986 là một phần đất lung đìa không ai quản lý, chủ yếu là đường cho trâu lội. Năm 1986, ông Ngô Oanh N khai mở 492m^2 sau đó cho ông Danh D1 sử dụng. Bà Thị D đã tranh chấp từ năm 1988 nhưng UBND xã H1 đã công nhận cho ông Danh D1 và bà Thị D cũng thống nhất (hồ sơ không còn). Sau đó, ông Danh D1 làm nhà, làm sân…bà Thị D cũng không có khiếu nại gì. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Thị D. Đề nghị bác yêu cầu của bà Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Danh D1 trình bày:

Trước năm 1986, đất tranh chấp thuộc khu đất bỏ hoang, khoảng tháng 3 năm 1986 ông vào làm sân phơi thóc phải lấy đất nơi khác đổ vào. Cùng năm, bà Thị D tranh chấp với ông nên đã gửi đơn ra xã H1 yêu cầu giải quyết. Tháng 02/1987, Ban Hòa giải xã H1 vào hòa giải tại nhà ông theo hướng đất hoang không ai quản lý nhưng ông là người đắp đất, làm sân nên cho ông tiếp tục quản lý và bà Thị D thống nhất (nhưng ông được giao hồ sơ giải quyết tranh chấp). Năm 1995, ông có mướn máy cuốc vào cuốc đất đổ thêm vào sân; năm 1996, làm nhà ở và nhà chứa phân bón, thóc lúa của gia đình nhưng bà Thị D không có ý kiến. Đầu năm 2013, ông thuê máy cuốc đường mương nước rộng 8m, dài 30m để sử dụng. Sau khi cuốc xong thì bà Thị D tranh chấp tại UBND xã T. Bà Thị D tranh chấp với lý do đất do ông ngoại của bà Thị D để lại, có giấy tờ là Trích lục địa bộ năm 1974. Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh K bác yêu cầu của bà Thị D là đúng, Ông đề nghị giữ nguyên Quyết định của Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Danh Đ (là chồng của bà Thị D) trình bày thống nhất với bà Thị D. Yêu cầu hủy các quyết định của Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh K nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2015/HCST ngày 09/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh K quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7169/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện H về giải quyết đơn tranh chấp đất của bà Thị D.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Thị D.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2015 bà Thị D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 16/2016/HC-PT ngày 16/3/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thị D.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7169/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBNDhuyện H về việc giải quyết đơn tranh chấp của bà ThịD.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Thị D.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 09/12/2016, bà Thị D có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 11/4/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định số 08/2019/KN-HC kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 16/2016/HC-PT ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 16/2016/HC-PT ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2015/HCST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh K; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Trích lục địa bộ ngày 02/01/1974 của T1 địa tỉnh K (chế độ cũ) cấp cho cố Danh U có một số nội dung ghi bằng tiếng Việt và một số nội dung ghi bằng tiếng nước ngoài (tiếng Pháp), nhưng khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không yêu cầu đương sự nộp bản dịch sang tiếng Việt là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 77 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (nay là khoản 3 Điều 83 Luật Tố tụng hành chính năm 2015).

Trích lục địa bộ năm 1974 do cố Danh U đứng tên chủ sử dụng 14 hecta đất có thể hiện ranh giới thửa đất, vị trí tại núi H2 cùng với vị trí đất đang tranh chấp, đất bà Thị D đang sử dụng cũng tại vị trí này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết Chủ tịch UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh K và Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập tài liệu, xác minh làm rõ đất tranh chấp có thuộc Trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho cố Danh U năm 1974 hay không nhưng đã kết luận bà Thị D không có chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp nằm trong Trích lục địa bộ năm 1974 là không có căn cứ. Tại mục "Cội rễ" và mục "Các quyền và các điều bó buộc" ghi trong Trích lục địa bộ năm 1974 ghi bằng tiếng Pháp có chữ số *"847...14/2/1938"*, bà Thị D cho rằng nội dung phần này thể hiện cố Danh U là sở hữu hợp pháp theo giấy phép chính thức số 847 của Chính phủ chế độ cũ cấp ngày 14/02/1938. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa

án cấp phúc thẩm không yêu cầu dịch tài liệu có tiếng nước ngoài, chưa thu thập tài liệu, đánh giá trường hợp này đất có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (nay là điểm e khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) hay không, nên chưa có cơ sở xác định Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh K giải quyết tranh chấp đất đai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003.

[2]Về nội dung: Bà Thị D trình bày phần đất tranh chấp gia đình bà liên tục sử dụng từ khi cố Danh U khai hoang, được chế độ cũ cấp giấy phép sử dụng từ năm 1938, đến năm 1988 (thời gian sử dụng 50 năm) thì ông Danh D1 khi đó là Trưởng ấp giúp chị em bà Thị D đo đạc chia đất, ông Danh D1 lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt phần đất tranh chấp. Thực tế, chính quyền địa phương và ông Danh D1 thừa nhận năm 1988 bà Thị D đã tranh chấp đất và đã được hòa giải theo hướng không chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà Thị D, nhưng sau đó vụ việc không tiếp tục giải quyết dứt điểm và nay hồ sơ hòa giải tranh chấp đã bị thất lạc. Ông Danh D1 không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc tạo lập phần đất tranh chấp, thời gian sử dụng từ năm 1988 có tranh chấp chưa được giải quyết; năm 2013, bà Thị D tiếp tục khiếu nại, ngày 15/7/2014 bà Thị D khởi kiện vụ án hành chính. Ông Danh D1 cho rằng đất tranh chấp ông tự khai hoang từ năm 1986, nhưng UBND xã T cho rằng phần đất tranh chấp trước đây thuộc lung đìa bỏ hoang; đến năm 1977, cụ Thị K1 và bà Thị D khai phá đất này, đến năm 1989 thì ông Danh D1 sử dụng đất tranh chấp. Còn ông Ngô Oanh N cho rằng phần đất tranh chấp do ông khai hoang năm 1980 đến năm 1986 thì ông chuyển nhượng cho ông Danh D1.

Như vậy, lời khai của bà Thị D, ông Danh D1, ông Ngô Oanh N và ý kiến của UBND xã T là mâu thuẫn về nguồn gốc, thời gian ông Danh D1 sử dụng đất. Lẽ ra, phải làm rõ những mâu thuẫn này để kết luận diện tích đất tranh chấp được ông Danh D1 sử dụng là do ông Danh D1 mua của ông Ngô Oanh N hay khai mở hay chiếm dụng đất của bà Thị D. Khi ông Danh D1 sử dụng thì phần đất tranh chấp có phải là thuộc lung đìa bỏ hoang không ai sử dụng nên ông Danh D1 khai phá hay không? Nhưng tại Quyết định số 7169/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND huyện H kết luận diện tích đất tranh chấp trước đây là đất bỏ hoang; năm 1986, ông Ngô Oanh N khai hoang và sử dụng đến năm 1987 thì ông Danh D1 sử dụng và được ông N chấp thuận (trong khi ông Danh D1 khai là ông khai hoang); còn tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 936/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND tỉnh K kết luận diện tích đất tranh chấp trước đây là đất bỏ hoang; năm 1986, gia đình ông Danh D1 đào đắp làm sân phơi lúa, trồng tràm và làm nơi chăn thả trâu, để xác định ông Danh D1 có quyền sử dụng đất này từ đó bác yêu

cầu của bà Thị D là chưa đủ căn cứ. Trong vụ án này cần phải làm rõ phần đất đang tranh chấp giữa bà Thị D và ông Danh D1 có thuộc Trích lục địa bộ của T1 địa tỉnh K (chế độ cũ) cấp cho cố Danh U năm 1974 không? Quá trình sử dụng đất của gia đình bà Thị D (trước năm 1988) có thuộc trường hợp được đánh giá gia đình bà Thị D sử dụng đất ổn định, lâu dài được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai hay không? Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ các nội dung nêu trên, mà đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị D về việc hủy Quyết định số 7169/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh K về việc giải quyết đơn tranh chấp của bà Thị D và Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất của bà Thị D là chưa có căn cứ vững chắc.

[3]Bởi các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và khoản 1 Điều 274 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Kháng nghị số 08/2019/KN-HC ngày 11/4/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 16/2016/HC-PT ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2015/HCST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh K; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởngVKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (để biết);
- TAND tỉnh K (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh K;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; Tiểu HS; Vụ GĐKT III (2 bản), VP TANDTC.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Du